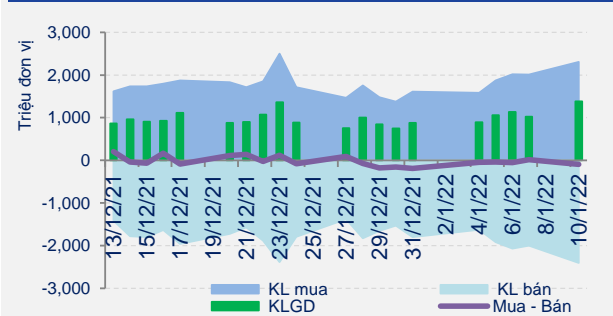
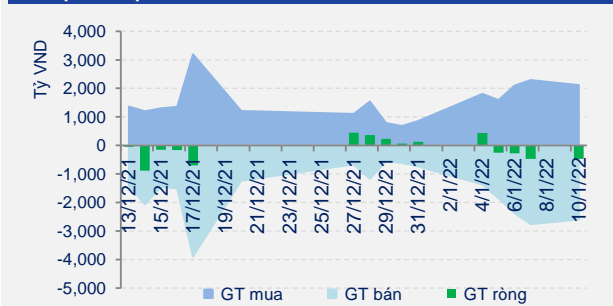


MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 10/1/2022

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,503.71	482.89
% Thay đổi	↓ -1.62%	↓ -2.22%
KLGD (CP)	1,381,115,926	190,843,836
GTGD (tỷ đồng)	41,813.03	5,384.20
Tổng cung (CP)	2,404,335,800	244,305,400
Tổng cầu (CP)	2,308,118,300	212,172,800

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	51,812,025	683,192
KL mua (CP)	41,726,700	1,282,510
GT mua (tỷ đồng)	2,122.89	41.36
GT bán (tỷ đồng)	2,597.78	13.79
GT ròng (tỷ đồng)	(474.90)	27.57

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE


Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -1.71%	24.1	3.7	1.3%
Công nghiệp	↓ -2.29%	25.7	3.4	17.9%
Dầu khí	↓ -3.22%	20.4	2.1	2.0%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.45%	-	10.0	4.1%
Dược phẩm và Y tế	↓ -2.12%	17.7	2.7	0.8%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.64%	23.4	4.0	11.6%
Ngân hàng	↓ -1.22%	12.1	2.4	9.7%
Nguyên vật liệu	↓ -1.57%	11.3	2.6	11.3%
Tài chính	↓ -1.74%	22.8	4.0	38.7%
Tiền ịch Cộng đồng	↓ -4.46%	17.6	2.8	2.6%
VN - Index	↓ -1.62%	18.1	3.3	
HNX - Index	↓ -2.22%	26.9	5.6	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường có phiên thứ 4 liên tiếp tiến vào vùng kháng cự trong khoảng 1.530-1.550 điểm và tiếp tục thất bại trong khoảng giá này. Áp lực bán gia tăng trong phiên chiều và mạnh lên sau đó đã khiến các chỉ số đồng loạt đóng cửa ở mức thấp nhất. Kết phiên, VN-Index giảm 24,77 điểm (-1,62%) xuống 1.503,71 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE là tiêu cực với 166 mã tăng, 44 mã tham chiếu, 328 mã giảm. HNX-Index giảm 10,95 điểm (-2,22%) xuống 482,89 điểm. Độ rộng trên sàn HNX là tiêu cực với 126 mã tăng, 25 mã tham chiếu, 159 mã giảm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn gia tăng so với phiên cuối tuần trước và tiếp tục cao hơn mức trung bình 20 phiên với khối lượng khớp lệnh 1.502 triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị khớp lệnh 43.995 tỷ đồng. Áp lực bán mạnh vào cuối phiên đã khiến hàng loạt cổ phiếu lao dốc và đáng chú ý nhất là nhóm bất động sản và xây dựng. Rất nhiều cổ phiếu thuộc nhóm bất động sản và xây dựng tăng nóng đợt vừa qua đều bị bán xuống mức giá sàn, có thể kể đến như CII (-6,9%), CEO (-9,9%), LDG (-7%), BCM (-6,9%), VCG (-7%), ROS (-6,9%), HBC (-7%), LCG (-6,9%)... Đáng chú ý, cổ phiếu FLC (-6,2%) có phiên giao dịch lớn nhất trong lịch sử với hơn 106 triệu cổ phiếu. Tuy nhiên, không phải tất cả các cổ phiếu bất động sản và xây dựng đều lao dốc, ngược lại, hàng loạt cổ phiếu thuộc nhóm ngành này vẫn tăng trần như VPH (+6,8%) QCG (+6,9%), PHC (+6,8%), NHA (+7%), L18 (+9,9%)... Cổ phiếu chứng khoán có phiên giao dịch tiêu cực với hàng loạt mã giảm mạnh VND (-3,5%), SSI (-4%), SHS (-4,7%), VIX (-4,6%), HCM (-3,1%), VCI (-5,7%), ART (-7,2%), SBS (-3,9%)..., thậm chí giảm sàn CTS (-7%).

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Những tưởng thị trường đã có một phiên giao dịch đầu tuần tương đối tốt nhưng áp lực bán gia tăng trong phiên chiều đã xóa đi (-1,6%) gần như toàn bộ thành quả tăng (+2%) của tuần trước đó. Rất may là chỉ số VN-Index tuy kết phiên ở mức thấp nhất nhưng vẫn trên ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.500 điểm nên xu hướng tăng của thị trường xét trên góc độ phân tích kỹ thuật vẫn chưa có nhiều sự thay đổi. Trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán tiếp tục gia tăng và ngưỡng 1.500 điểm bị xuyên thủng thì VN-Index có thể sẽ cần lui về vùng hỗ trợ tiếp theo trong khoảng 1.475-1.490 điểm (MA20-50). Tuy nhiên, chúng tôi đánh giá khả năng xảy ra kịch bản tiêu cực là không cao và phiên giảm hôm nay có nét giống với các phiên điều chỉnh trước đó như phiên 23/12/2021 và phiên 6/12/2021. Do đó, trong phiên giao dịch tiếp theo 11/1, VN-Index có thể sẽ hồi phục trở lại nếu ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.500 điểm được giữ vững. Nhà đầu tư đã chốt lời một phần danh mục trong phiên 4/1/2022 để đưa tỷ trọng về mức cân bằng có thể tiếp tục nắm giữ cổ phiếu, có thể gia tăng tỷ trọng nếu thị trường test vùng 1.475-1.490 điểm (MA20-50) trong phiên tới.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

10/1/2022

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index tăng điểm trong phần lớn thời gian phiên hôm nay, với mức cao nhất trong phiên tại 1.536,45 điểm. Nhưng về chiều, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số đảo chiều xuống sắc đỏ và đà giảm mạnh dần sau đó khiến chỉ số kết phiên ở mức thấp nhất. Kết phiên, VN-Index giảm 24,77 điểm (-1,62%) xuống 1.503,71 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: GAS giảm 5.500 đồng, BCM giảm 5.200 đồng, NVL giảm 2.500 đồng. Ở chiều ngược lại, HVN tăng 550 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index tăng điểm trong phần lớn thời gian phiên hôm nay, với mức cao nhất trong phiên tại 500,09 điểm. Nhưng áp lực bán gia tăng trong phiên chiều đã khiến chỉ số đảo chiều xuống sắc đỏ và kết phiên ở mức thấp nhất. Kết phiên, HNX-Index giảm 10,95 điểm (-2,22%) xuống 482,89 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: THD giảm 4.600 đồng, KSF giảm 8.800 đồng, CEO giảm 9.200 đồng. Ở chiều ngược lại, IDC tăng 1.900 đồng.

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 465,19 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 9,3 triệu đơn vị. CII là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 223,6 tỷ đồng tương ứng với 3,8 triệu cổ phiếu, tiếp theo là VRE với 87,1 tỷ đồng tương ứng với 2,4 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, HPG là mã được mua ròng nhiều nhất với 38,5 tỷ đồng tương ứng với 838 nghìn cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 27,59 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 599 nghìn cổ phiếu. PVS là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 11,4 tỷ đồng tương ứng với 402 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là PVI với 7,3 tỷ đồng tương ứng với 153 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, SHS là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 1,2 tỷ đồng tương ứng với 24,5 nghìn cổ phiếu.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index giảm điểm mạnh trong phiên giao dịch đầu tuần với thanh khoản khớp lệnh gia tăng so với phiên cuối tuần trước và cao hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy áp lực bán ra là tương đối mạnh.

Theo lý thuyết sóng Elliot áp dụng trên biểu đồ tuần thì có thể thấy là VN-Index vẫn đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Và một khi vẫn được duy trì trên ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% fibonacci retracement sóng điều chỉnh 4) thì nhận định trên không có gì thay đổi.

Với phiên giảm điểm mạnh (-1,62%) vào đầu tuần này thì xu hướng tăng của chỉ số VN-Index vẫn chưa có gì thay đổi khi mà chỉ số này vẫn kết phiên trên ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.500 điểm. Nên khả năng tiếp tục đi lên là vẫn có thể xảy ra với mục tiêu tiếp theo của VN-Index là vùng kháng cự trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4).

Trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực tiếp tục gia tăng thì VN-Index có thể sẽ cần test lại ngưỡng hỗ trợ tâm lý quanh 1.500 điểm và xa hơn là vùng hỗ trợ trong khoảng 1.475-1.490 điểm (MA20-50).

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 11/1, VN-Index có thể sẽ hồi phục trở lại nếu ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.500 điểm được giữ vững.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

Nghị quyết 01/NQ-CP: Năm 2022 phấn đấu GDP bình quân đầu người đạt 3,900 USD

Chính phủ vừa ban hành Nghị quyết 01/NQ-CP về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022.



TIN TRONG NƯỚC

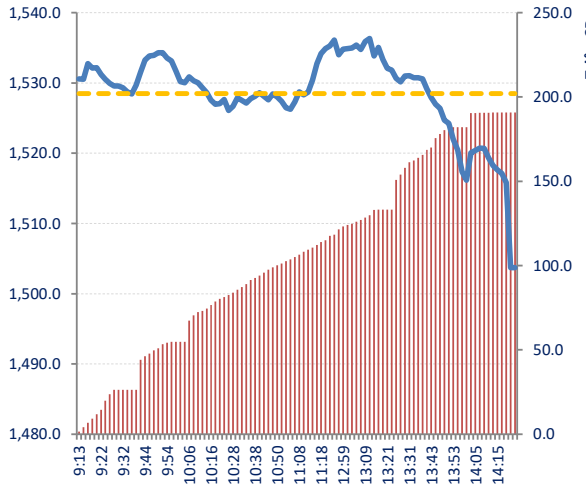
Giá vàng trong nước giảm	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 60,9 - 61,5 triệu đồng/lượng, không đổi ở chiều mua vào và giảm 150.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm giảm 13 đồng	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 10/1 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.125 VND/USD, giảm 13 đồng so với cuối tuần qua.

TIN QUỐC TẾ

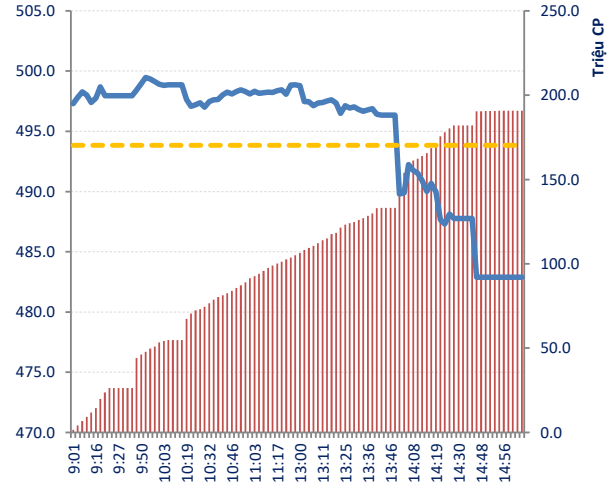
Giá vàng thế giới giảm	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 1,05 USD/ounce tương ứng với 0,06% xuống 1.796,35 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,158 điểm tương ứng 0,17% lên 95,880 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1336 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3592 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 115,68 JPY.
Giá dầu thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 0,46 USD/thùng tương ứng với 0,58% lên 79,36 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ giảm điểm	Kết thúc phiên giao dịch ngày 7/1, Dow Jones giảm 4,81 điểm tương đương 0,01% xuống 36.231,66 điểm. Nasdaq giảm 144,96 điểm tương đương 0,96% xuống 14.935,9 điểm. Nasdaq Composite giảm 19,02 điểm tương đương 0,41% xuống 4.677,03 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

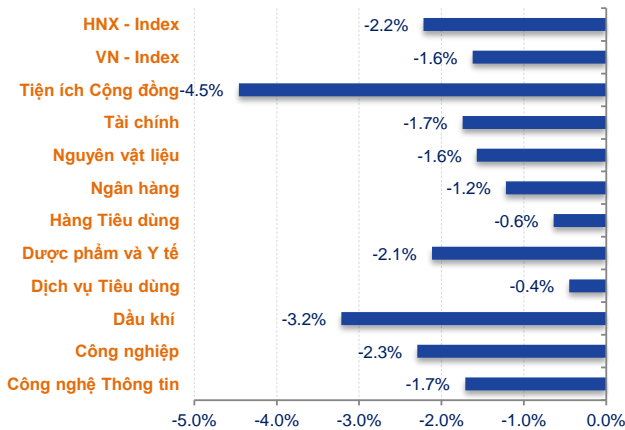
KLGD và VN-Index trong phiên



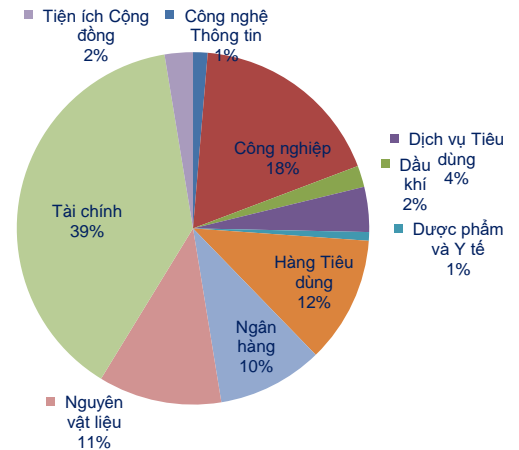
KLGD và HNX-Index trong phiên



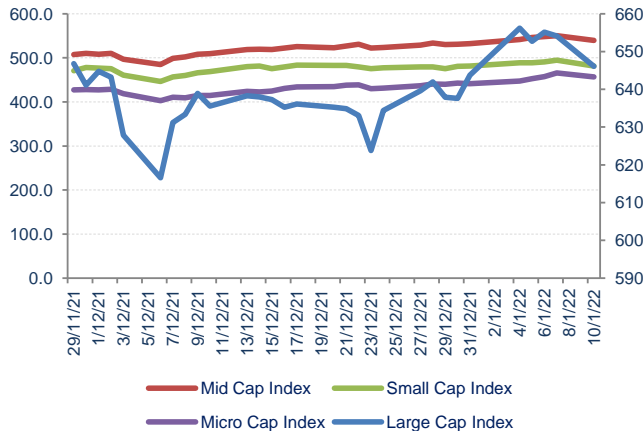
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



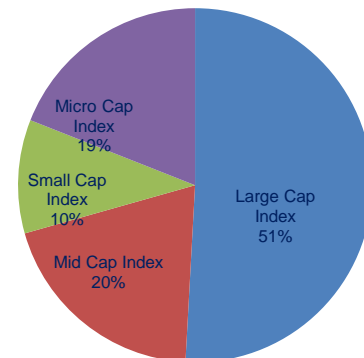
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HAG	956,900	CII	3,802,800
2	HPG	838,100	VRE	2,429,500
3	STB	791,000	FLC	1,101,200
4	HDB	593,400	NVL	706,400
5	NTL	463,200	E1VFN30	597,300

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVS	402,100	SD6	112,000
2	BVS	168,200	DL1	51,500
3	PVI	153,400	PVG	35,000
4	KLF	105,900	SHS	24,500
5	TTH	30,000	PRE	19,900

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
FLC	22.55	21.15	↓	-6.21%	135,460,900
HAG	14.30	15.30	↑	6.99%	62,236,100
ROS	16.00	14.90	↓	-6.88%	57,298,400
HNG	13.10	13.50	↑	3.05%	46,155,200
HQC	10.20	10.50	↑	2.94%	36,578,500

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
KLF	10.30	10.50	↑	1.94%	23,062,186
SHS	51.50	49.10	↓	-4.66%	10,726,181
CEO	92.50	83.30	↓	-9.95%	9,699,352
PVS	29.00	27.70	↓	-4.48%	9,176,413
ART	18.10	16.80	↓	-7.18%	9,050,343

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PTC	40.00	42.80	2.80	↑ 7.00%
NHA	94.40	101.00	6.60	↑ 6.99%
LCM	9.58	10.25	0.67	↑ 6.99%
HAG	14.30	15.30	1.00	↑ 6.99%
DC4	28.60	30.60	2.00	↑ 6.99%

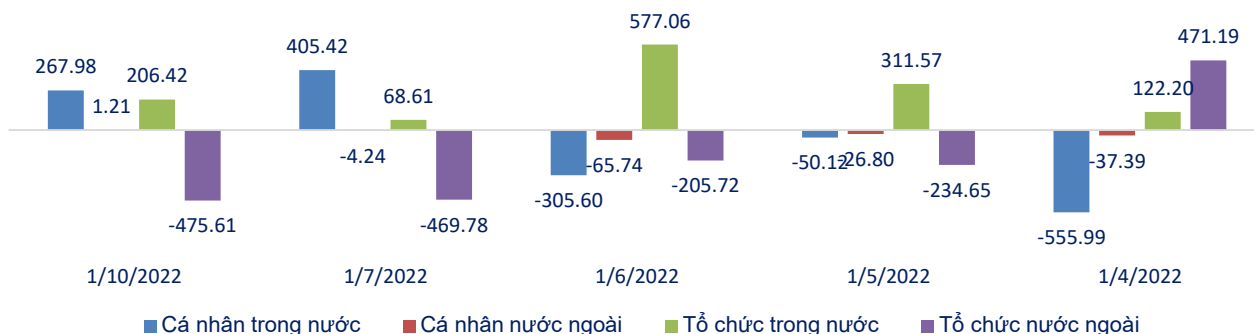
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VLA	35.00	38.50	3.50	↑ 10.00%
PPE	10.00	11.00	1.00	↑ 10.00%
L18	73.40	80.70	7.30	↑ 9.95%
HOM	9.10	10.00	0.90	↑ 9.89%
PDC	7.10	7.80	0.70	↑ 9.86%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DCM	35.10	32.65	-2.45	↓ -6.98%
YEG	23.65	22.00	-1.65	↓ -6.98%
VCG	55.90	52.00	-3.90	↓ -6.98%
CTS	48.00	44.65	-3.35	↓ -6.98%
SVC	105.00	97.70	-7.30	↓ -6.95%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
BST	21.10	19.00	-2.10	↓ -9.95%
CEO	92.50	83.30	-9.20	↓ -9.95%
BTW	36.70	33.10	-3.60	↓ -9.81%
KSF	90.00	81.20	-8.80	↓ -9.78%
PIA	27.60	25.00	-2.60	↓ -9.42%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CII	266.75	0.5%	177	327.7	1.8
VRE	77.25	7.2%	954	36.4	2.6
HNG	73.74	0.7%	51	257.0	1.8
VNG	65.39	-1.9%	(221)	-	1.3
DIG	64.06	13.1%	1,494	78.4	8.9

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-74.15	44.7%	7,085	6.5	2.4
STB	-73.86	11.1%	1,864	17.1	1.8
TCB	-70.27	21.3%	4,965	10.0	2.0
BCM	-44.16	10.6%	1,702	44.4	4.8
VHM	-37.54	38.3%	8,968	9.5	3.1

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	10.66	13.1%	1,967	11.5	1.6
VCG	10.13	6.8%	1,223	45.7	3.2
PHC	8.83	11.3%	1,511	12.2	1.3
PVD	5.62	0.2%	69	460.4	1.0
CII	5.24	0.5%	177	327.7	1.8

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
BID	-10.26	12.0%	1,975	19.8	2.3
CRE	-8.70	19.7%	3,577	12.1	1.8
APH	-4.67	1.6%	436	84.8	1.1
VND	-4.18	19.6%	2,144	37.3	4.1
HBC	-3.91	2.2%	370	93.3	1.9

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
TCB	70.27	21.3%	4,965	10.0	2.0
STB	48.49	11.1%	1,864	17.1	1.8
MWG	37.04	24.6%	6,071	22.3	5.1
HPG	35.35	44.7%	7,085	6.5	2.4
VPB	33.23	21.2%	2,772	12.5	2.5

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HNG	-71.18	0.7%	51	257.0	1.8
VNG	-65.37	-1.9%	(221)	-	1.3
DIG	-53.13	13.1%	1,494	78.4	8.9
APH	-49.39	1.6%	436	84.8	1.1
GAB	-45.87	1.1%	130	1,509.2	16.6

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	37.76	44.7%	7,085	6.5	2.4
VHM	35.72	38.3%	8,968	9.5	3.1
BCM	32.31	10.6%	1,702	44.4	4.8
STB	23.93	11.1%	1,864	17.1	1.8
GAS	19.08	16.9%	4,384	24.5	4.1

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CII	-235.66	0.5%	177	327.7	1.8
VRE	-87.39	7.2%	954	36.4	2.6
NVL	-59.89	7.9%	1,577	54.8	4.1
FLC	-37.42	13.1%	1,967	11.5	1.6
VNM	-37.18	31.0%	5,037	16.9	5.3



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	135,460,900	13.1%	1,967	11.5	1.6
HAG	62,236,100	3250.0%	(1,220)	-	2.7
ROS	57,298,400	3.1%	324	49.3	1.5
HNG	46,155,200	0.7%	51	257.0	1.8
HQC	36,578,500	0.1%	9	1,153.9	1.1

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
KLF	23,062,186	0.1%	6	1,694.9	1.0
SHS	10,726,181	25.5%	3,057	16.8	2.6
CEO	9,699,352	-4.7%	(606)	-	7.4
PVS	9,176,413	4.6%	1,238	23.4	1.1
ART	9,050,343	0.3%	32	572.6	1.5

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PTC	↑ 7.0%	23.3%	3,599	11.1	2.6
NHA	↑ 7.0%	6.1%	619	152.6	9.4
LCM	↑ 7.0%	1.3%	122	78.3	1.0
HAG	↑ 7.0%	-18.4%	(1,220)	-	2.7
DC4	↑ 7.0%	11.0%	1,229	23.3	2.4

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VLA	↑ 10.0%	-12.9%	(1,593)	-	3.0
PPE	↑ 10.0%	1.8%	77	130.1	2.2
L18	↑ 9.9%	4.5%	683	107.5	5.2
HOM	↑ 9.9%	0.2%	21	431.7	0.7
PDC	↑ 9.9%	-5.0%	(466)	-	0.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HAG	956,900	-18.4%	(1,220)	-	2.7
HPG	838,100	44.7%	7,085	6.5	2.4
STB	791,000	11.1%	1,864	17.1	1.8
HDB	593,400	20.7%	2,813	10.8	2.1
NTL	463,200	24.8%	4,877	8.1	2.1

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	402,100	4.6%	1,238	23.4	1.1
BVS	168,200	7.7%	1,877	21.8	1.4
PVI	153,400	13.2%	4,297	11.2	1.6
KLF	105,900	0.1%	6	1,694.9	1.0
TTH	30,000	-1.2%	(133)	-	0.8

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	388,893	2.9%	1,111	92.0	2.4
VCB	377,655	20.4%	4,464	17.9	3.4
VHM	371,863	38.3%	8,968	9.5	3.1
GAS	205,750	16.9%	4,384	24.5	4.1
HPG	204,860	44.7%	7,085	6.5	2.4

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	92,925	25.2%	4,694	56.6	16.1
KSF	27,000	8.8%	751	119.9	4.5
CEO	23,804	-4.7%	(606)	-	7.4
IDC	23,400	11.8%	1,805	43.2	5.0
VCS	18,464	41.5%	11,163	10.3	3.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
SJF	3.47	0.5%	51	247.5	1.2
VOS	3.35	54.5%	2,573	7.4	2.9
IDI	2.78	2.7%	363	43.4	1.2
GEX	2.51	8.6%	1,754	27.9	2.1
SGR	2.47	-1.9%	(237)	-	3.0

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
L14	3.11	13.6%	1,987	186.8	22.5
APS	2.67	22.8%	1,604	23.4	3.2
TTL	2.35	2.3%	324	52.4	1.2
MCO	2.26	0.3%	35	237.2	0.7
VIE	2.25	1.1%	72	204.3	2.3



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
